

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 47/2019/DS-ST
Ngày 21/6/2019
*Về việc “Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Kam Ênuôl

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Trung.
2. Ông Lê Phúc Tiếng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Cường - Kiểm sát viên

Ngày 21/6/2019, tại Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 206/2018/TLST-DS ngày 21/05/2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2019/QĐXXST-DS ngày 13/5/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2019/QĐST – DS ngày 31/5/2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Đoàn Thị Tuyết L.

Địa chỉ: 42 T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

*** Bị đơn:** Ông Cao Thanh P và bà Nguyễn Thị Kim T.

Địa chỉ: 159 L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Nguyên đơn – bà Đoàn Thị Tuyết L trình bày:***

Vào ngày 05/2/2016 bà có cho ông Cao Thanh P và bà Nguyễn Thị Kim T vay với số tiền 300.000.000 đồng. Khi vay các bên thỏa thuận đến ngày 25/02/2016 sẽ trả toàn bộ số tiền nợ cho tôi, không có bảo đảm bằng tài sản thế chấp và thỏa thuận lãi suất bằng miệng theo lãi suất Ngân hàng. Khi làm giấy

vay nợ không có mặt bà Nguyễn Thị Kim T và chữ ký trong giấy vay nợ đều do một mình ông Cao Thanh P ký với tôi, nhưng việc vay nợ bà Nguyễn Thị Kim T đều biết và thừa nhận là khoản nợ chung của vợ chồng. Sau khi mượn tiền của tôi ông P và bà T chưa trả cho tôi được khoản nào mặc dù tôi đã đến nhà yêu cầu trả nợ nhiều lần.

Nay, tôi yêu cầu ông Cao Thanh P và bà Nguyễn Thị Kim T phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất đối với số nợ trên từ ngày 25/02/2016 cho đến xét xử sơ thẩm.

**** Tại bản tự khai ngày 25/10/2018 bị đơn – ông Cao Thanh P khai:***

Vào ngày 05/2/2016 tôi có vay của bà Đoàn Thị Tuyết L với số tiền 300.000.000 đồng. Khi vay các bên thỏa thuận đến ngày 25/02/2016 sẽ trả toàn bộ số tiền nợ trên và thỏa thuận lãi suất bằng miệng, sau khi vay lãi suất tôi vẫn trả đầy đủ, tuy nhiên đến tháng 10 năm 2017 do làm ăn khó khăn, nên chưa thể trả được số tiền gốc và lãi suất cho bà L. Khi làm giấy vay nợ không có mặt bà Nguyễn Thị Kim T và chữ ký trong giấy vay nợ đều do một mình tôi ký, và thừa nhận đây là khoản nợ riêng của tôi do làm ăn với bà L.

**** Tại bản tự khai ngày 20/3/2019 bị đơn – bà Nguyễn Thị Kim T khai:***

Tôi thừa nhận vào ngày 05/2/2016 tôi và ông Cao Thanh P có vay của bà Đoàn Thị Tuyết L. Tuy nhiên khi vay mượn chỉ có ông Cao Thanh P và bà Đoàn Thị Tuyết L đứng ra ký và thỏa thuận việc vay mượn tiền, số tiền cụ thể mượn ngày hôm đó bao nhiêu tôi không nắm rõ. Chữ ký trong giấy vay mượn tiền vào ngày 05/02/2016 là do một mình ông Cao Thanh P ký và xác nhận do ngày hôm đó tôi đi vắng. Sau khi vay mượn tiền của bà Đoàn Thị Tuyết L tôi và ông Cao Thanh P vẫn trả đầy đủ hàng tháng tiền lãi là 15.000.000 đồng cho bà L, do hoàn cảnh khó khăn nên đầu năm 2018 tôi và ông P không trả được cho bà L, khi trả tiền chúng tôi không có ghi giấy tờ gì. Nay tôi thừa nhận khoản nợ 300.000.000 đồng là khoản nợ chung của vợ chồng tôi và xin bà L giảm cho chúng tôi số tiền nợ gốc và gia hạn thêm cho chúng tôi thời gian trả nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn xét xử: Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại khoản 1 Điều 203 Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Đây là “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát

đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471, Điều 473, Điều 474, Điều 476, Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Tuyết L, buộc ông Cao Thanh P và bà Nguyễn Thị Kim Tn phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng cho bà Đoàn Thị Tuyết L cùng lãi suất theo quy định của pháp luật. Bị đơn – ông Cao Thanh P và bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, hồ sơ vụ án thì nguyên đơn - bà Đoàn Thị Tuyết L yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột buộc bị đơn – ông Cao Thanh P và bà Nguyễn Thị Kim T phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng cùng lãi suất cho bà Đoàn Thị Tuyết L. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *“Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”*.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn – Ông Cao Thanh P và bà Nguyễn Thị Kim T có nơi cư trú tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án xét thấy bị đơn – ông Cao Thanh P và bà Nguyễn Thị Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, đồng thời tiến hành giao nhận các văn bản tố tụng trực tiếp cho các đương sự biết để tham gia tố tụng tại Tòa án để tiến hành phiên họp công khai chứng cứ, các phiên hòa giải và phiên đối chất, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được, được quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn – ông Cao Thanh P và bà Nguyễn Thị Kim T tại phiên Tòa: ông P và bà T đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm ông P và bà T vẫn vắng mặt lần hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử vắng mặt ông P và bà T là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào lời khai nhận của nguyên đơn bà Đoàn Thị Tuyết L và bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T và tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án xác định: Vào ngày 05/2/2016 ông Cao Thanh P và bà Nguyễn Thị Kim T có vay của Đoàn Thị Tuyết L số tiền 300.000.000 đồng và hẹn ngày 25/02/2016 sẽ hoàn trả đủ số tiền vay trên, lãi suất tự thỏa thuận bằng miệng. Đối với ông Cao Thanh P có xác định đây là nợ riêng của ông P và không liên quan đến bà T, tất cả các chữ ký trong giấy mượn tiền là do ông tự viết. Tuy nhiên, trong quá trình làm việc với bà T và

bà L đều xác định đây là nợ chung của ông P và bà T. Đồng thời bà T có xác nhận khi ông P vay mượn tiền của bà L bà đều biết và đồng ý chấp nhận trả khoản nợ trên cho bà L. Vì vậy, việc bà Đoàn Thị Tuyết L khởi kiện ông Cao Thanh P và bà Nguyễn Thị Kim T trả toàn bộ số tiền 300.000.000 đồng cùng lãi suất là có căn cứ, để đảm bảo quyền lợi của bà Đoàn Thị Tuyết L, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà L để buộc ông P và bà T phải trả toàn bộ số tiền đã mượn của bà L là 300.000.000 đồng.

Theo lời khai của ông P và bà T đều xác nhận sau khi vay tiền của bà L, thì có trả cho bà L một khoản tiền nợ, nhưng không cung cấp các chứng cứ để chứng minh cho việc trả tiền, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột có tiến hành triệu tập các bên để đối chất nhưng ông P và bà T đều vắng mặt và bà Đoàn Thị Tuyết L không thừa nhận việc trả số tiền nợ của ông P và bà T, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận.

Về lãi suất cho vay: Trong giao dịch vay mượn tiền giữa bà L và ông P, bà T có thỏa thuận về lãi suất bằng miệng, quá trình giải quyết vụ án các bên đều không thống nhất được về việc xác định lãi suất và trước khi mở phiên tòa nguyên đơn bà Đoàn Thị Tuyết L có đơn yêu cầu tính lãi suất từ thời điểm trả nợ là ngày 25/02/2016 đến khi xét xử sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 476 bộ luật dân sự năm 2005 để tính lãi suất đối với số tiền vay trên cụ thể như sau:

Tiền lãi từ ngày 25/02/2016 đến 21/6/2019: $300.000.000 \text{ đồng} \times 9\%/\text{năm} \times 03 \text{ năm } 03 \text{ tháng } 27 \text{ ngày} = 89.775.000 \text{ đồng}$.

Do vậy, cần buộc ông Cao Thanh P và bà Nguyễn Thị Kim T trả toàn bộ số tiền nợ lãi cho bà Đoàn Thị Tuyết L với số tiền là 89.775.000 đồng.

[5]. Về án phí: Do đơn khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn - bà Đoàn Thị Tuyết L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.500.000 đồng tại chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai số AA/2017/0003794 ngày 16/5/2018.

Bị đơn - ông Cao Thanh P và bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tổng số tiền còn nợ cụ thể là: $389.775.000 \text{ đồng} \times 5\% = 19.488.800 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471, Điều 473, Điều 474, Điều 476, Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Tuyết L.

Buộc Ông Cao Thanh P và bà Nguyễn Thị Kim T trả toàn bộ tổng số tiền 389.775.000 đồng cho bà Đoàn Thị Tuyết L, trong đó: 300.000.000 đồng tiền nợ gốc và 89.775.000 đồng tiền lãi suất.

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Bị đơn ông Cao Thanh P và bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 19.488.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đoàn Thị Tuyết L được nhận lại 7.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2017/0003794 ngày 16/05/2018 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Y Kam Ênuôl